

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020675	Nguyễn Lê Hoàng Gia	Bảo	19/11/2008			10	8.4				9.3		9.2
2	2454801020676	Nguyễn Đức	Duy	11/06/2009			8	6.4				9.0		8.2
3	2454801020677	Trần Quốc	Đạt	26/09/2009			9.5	7.2				8.0		8.0
4	2454801020678	Nguyễn Phan Hải	Đăng	07/01/2009			9	7.6				8.8		8.5
5	2454801020679	Huỳnh Thanh	Hiếu	23/10/2009			7	8.4				8.5		8.3
6	2454801020680	Nguyễn Xuân	Huy	28/10/2009			8.5	6.4				8.8		8.1
7	2454801020681	Lâm Quốc	Khang	25/06/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
8	2454801020682	Trần Đào Minh	Khang	28/04/2009			9.5	8.0				9.0		8.8
9	2454801020683	Bảnh Anh	Khoa	17/03/2009			9	6.8				8.8		8.3
10	2454801020684	Trần Trung	Kiên	31/12/2009			9.5	7.2				7.8		7.9
11	2454801020685	Ab Douk Sa	Lam	29/09/2009			8.5	7.6				8.0		8.0
12	2454801020686	Du Hoàng	Lực	13/10/2009			8	7.6				8.5		8.2
13	2454801020687	Ha Sal Pha Ha	My	21/04/2009			7	8.0				7.0		7.3
14	2454801020688	Duy Hoàng	Nam	30/11/2009			10	8.0				9.8		9.3
15	2454801020689	Nguyễn Quốc	Nam	09/05/2009			7.5	5.6				8.8		7.8
16	2454801020690	Nguyễn Văn	Nam	11/09/2009			8.5	7.6				8.8		8.4
17	2454801020691	Bùi Phước	Nguyên	26/04/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
18	2454801020692	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/02/2009			8.5	8.4				8.8		8.7
19	2454801020693	Thái Công	Nguyên	28/10/2009			9.5	6.4				9.0		8.4
20	2454801020694	Lê Quang	Nhật	19/10/2009			10	8.0				9.5		9.2
21	2454801020695	Nguyễn Chế Minh	Phát	24/05/2009			9.5	4.8				8.0		7.3
22	2454801020696	Trần Minh	Phúc	07/11/2008			9	5.6				7.5		7.2
23	2454801020697	Mohamad	Salêh	21/10/2007			5.5	6.8				7.5		7.0
24	2454801020698	Lê Hoàng	Sang	04/04/2002			8.5	7.2				8.5		8.2
25	2454801020699	Nguyễn Tiến	Sang	01/05/2009			8.5	7.6				8.5		8.3
26	2454801020700	Đỗ Nguyễn Việt	Thanh	28/03/2009			7	7.6				8.0		7.8
27	2454801020701	Huỳnh Quốc	Thạo	07/09/2009			8	6.4				8.0		7.6
28	2454801020702	Nguyễn Lê	Thông	24/06/2009			10	8.4				9.0		9.0
29	2454801020703	Nguyễn Huỳnh Chí	Tinh	07/09/2008			9.5	8.4				6.8		7.6
30	2454801020704	Hồ Khai	Trí	03/05/2009			7	4.4				5.0		5.1
31	2454801020705	Vương Quan	Trí	12/11/2009			7.5	6.0				8.3		7.6
32	2454801020706	Đặng Minh	Triết	15/01/2008			8.5	6.8				7.0		7.1
33	2454801020707	Lý Thiên	Tuấn	28/06/2009			8	7.6				9.0		8.5
34	2454801020708	Võ Thanh	Văn	25/12/2009			9	7.6				7.3		7.6
35	2454801020709	Nguyễn Quang	Vinh	26/01/2009			7.5	7.6				7.0		7.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi